

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY BẮC  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2018/HNGĐ - ST  
Ngày: 18 - 9 - 2018.  
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Việt Thiện.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đoàn Văn Lâm.

Ông Nguyễn Văn Vũ.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2018/TLST - HNGĐ, ngày 13/3/2018 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 10/8/2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1997 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1995 (vắng mặt không lý do).

Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn ngày 13/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 17/10/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02/2018 thì ly thân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh B. Con chung, tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy T có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B, Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 17/10/2016, quá trình kết hôn tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn theo chị T trình bày thì vợ chồng chỉ sống hạnh phúc trong thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, đến năm 2018 thì sống ly thân và đến ngày 13/3/2018 thì chị T làm đơn yêu cầu ly hôn với anh B. Đối với anh B trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh đến Tòa án để tham gia hòa giải quan hệ hôn nhân với chị T, mục đích để anh chị hàn gắn nhưng anh B không đến Tòa án để tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ anh B có ý thức bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm với chị T. Do đó có căn cứ để xác định mâu thuẫn tình cảm vợ chồng chị T, anh B là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị T trình bày không có, đối với anh B trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến hay yêu cầu gì về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định anh chị có con chung, tài sản chung và nợ chung hay không nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Chị Nguyễn Thị Thủy T phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

#### **Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thủy T.

Chị Nguyễn Thị Thủy T được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

[2] Về con chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí: Án phí ly hôn chị Nguyễn Thị Thủy T phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre  
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã H, huyện M,  
tỉnh Bến Tre (ĐKKH số xx,  
ngày 17/10/2016) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: HS, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Việt Thiện**